

校正証明書

試験実施日 2022 年 4 月 1 日 (金)

室温 18.2 °C 湿度 51 %

名称	高電圧絶縁抵抗計	形式	DI-11
製造者	ムサシ	製造番号	522876
製造年月	1996年	-	-
定格	DC 0~11kV , 10MΩ ~ 100GΩ		

依頼者	セキデンエンジニアリング株式会社				
住所	東京都江戸川区北葛西2-29-15				
校正項目	抵抗、電圧				
校正方法	日本の公的校正機関(JEMIC、JQA、JCSS等)またはNIST等、国際度量衡委員会に加盟している諸外国の公的校正機関に対してトレーサビリティが保たれた標準器との比較により行う。				
校正室の 環境条件	温度23±5°C 湿度35%~75%				
	環境標準器	名称	型式	製造番号	校正有効期限
		デジタル温湿度計	TT-558-GY	22C194	2023年3月
校正 実施場所	茨城県つくば市臼井1954-1 つくば電気管理事務所 試験室				

上記の測定器は当社の校正機器によって校正され、校正作業における検査または試験の結果は仕様を満足しています。

この校正に使用した校正機器は、国家標準或いは国際標準へのトレーサビリティがとれていることを証明します。

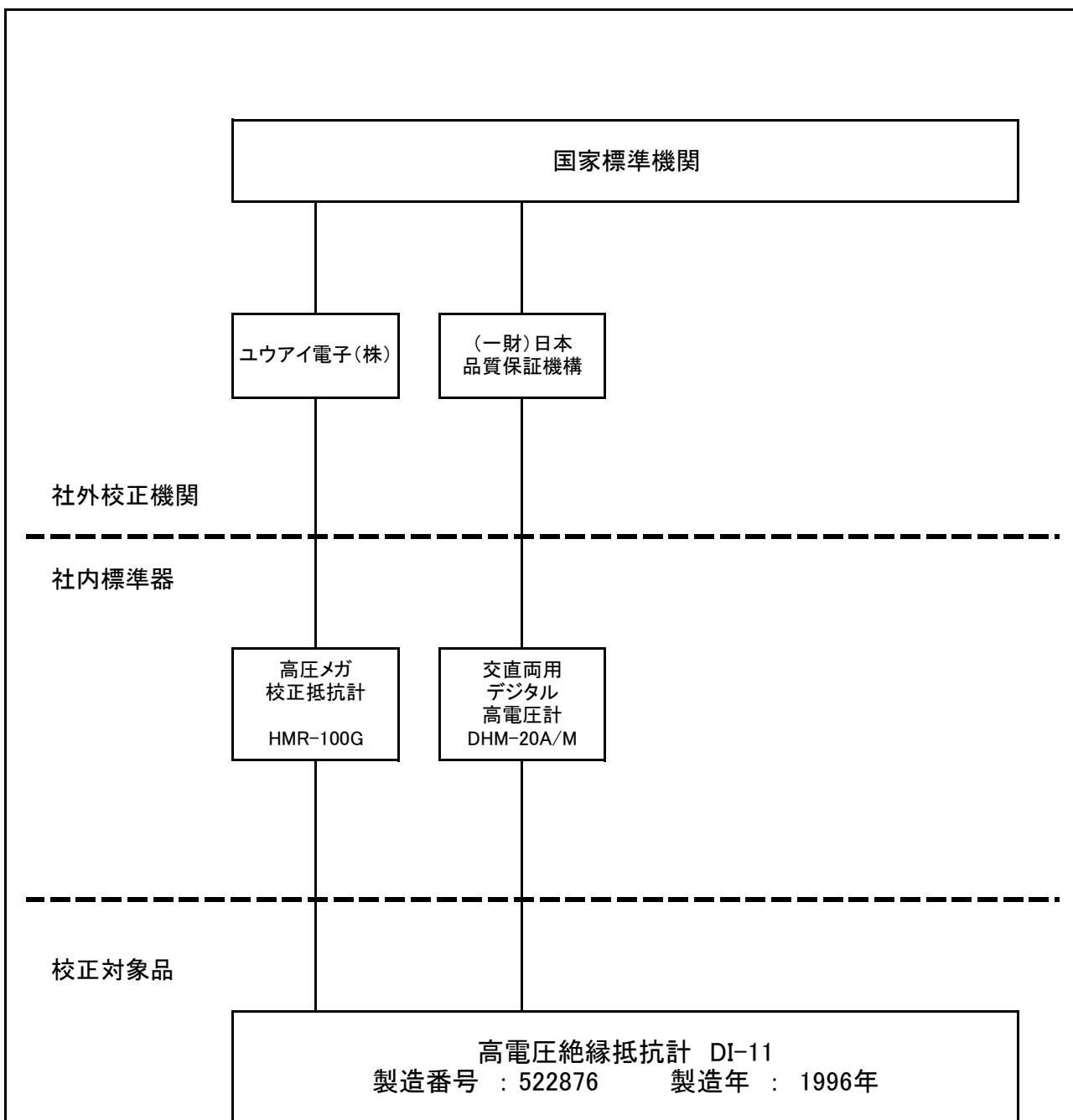
つくば電気管理事務所
代表 鈴木 研志
〒300-4211 茨城県つくば市臼井2028



トレーサビリティ体系図

試験実施日 2022 年 4 月 1 日 (金)

室温 18.2 °C 湿度 51 %



上記の通りトレーサビリティを証明致します。

つくば電気管理事務所
代表 鈴木 研志
〒300-4211 茨城県つくば市臼井2023



校正試験成績書

試験実施日 2022 年 4 月 1 日 (金)

室温 18.2 °C 湿度 51 %

試験実施者 鈴木 研志

名称	高電圧絶縁抵抗計	形式	DI-11
製造者	ムサシ	製造番号	522876
製造年月	1996年	-	-
定格	DC 0~11kV , 10MΩ ~100GΩ		

1.絶縁抵抗

レンジ	標準値	基準範囲(最小値)	基準範囲(最大値)	指示値	判定(良/不良)
1 kV	10 MΩ	9.0 MΩ	11.0 MΩ	0.01 GΩ	良
1 kV	100 MΩ	90 MΩ	110 MΩ	0.1 GΩ	良
1 kV	1 GΩ	0.90 GΩ	1.10 GΩ	1 GΩ	良
1 kV	10 GΩ	9.0 GΩ	1.1 GΩ	10 GΩ	良
1 kV	100 GΩ	90 GΩ	110 GΩ	-	-
2 kV	10 MΩ	9.0 MΩ	11.0 MΩ	0.01 GΩ	良
2 kV	100 MΩ	90 MΩ	110 MΩ	0.1 GΩ	良
2 kV	1 GΩ	0.90 GΩ	1.10 GΩ	1 GΩ	良
2 kV	10 GΩ	9.0 GΩ	1.1 GΩ	10 GΩ	良
2 kV	100 GΩ	90 GΩ	110 GΩ	-	-
3 kV	10 MΩ	9.0 MΩ	11.0 MΩ	0.01 GΩ	良
3 kV	100 MΩ	90 MΩ	110 MΩ	0.1 GΩ	良
3 kV	1 GΩ	0.90 GΩ	1.10 GΩ	1 GΩ	良
3 kV	10 GΩ	9.0 GΩ	1.1 GΩ	10 GΩ	良
3 kV	100 GΩ	90 GΩ	110 GΩ	-	-
4 kV	10 MΩ	9.0 MΩ	11.0 MΩ	0.01 GΩ	良
4 kV	100 MΩ	90 MΩ	110 MΩ	0.1 GΩ	良
4 kV	1 GΩ	0.90 GΩ	1.10 GΩ	1 GΩ	良
4 kV	10 GΩ	9.0 GΩ	1.1 GΩ	10 GΩ	良
4 kV	100 GΩ	90 GΩ	110 GΩ	-	-
5 kV	10 MΩ	9.0 MΩ	11.0 MΩ	0.01 GΩ	良
5 kV	100 MΩ	90 MΩ	110 MΩ	0.1 GΩ	良
5 kV	1 GΩ	0.90 GΩ	1.10 GΩ	1 GΩ	良
5 kV	10 GΩ	9.0 GΩ	1.1 GΩ	10 GΩ	良
5 kV	100 GΩ	90 GΩ	110 GΩ	100 GΩ	良
6 kV	10 MΩ	9.0 MΩ	11.0 MΩ	0.01 GΩ	良
6 kV	100 MΩ	90 MΩ	110 MΩ	0.1 GΩ	良
6 kV	1 GΩ	0.90 GΩ	1.10 GΩ	1 GΩ	良
6 kV	10 GΩ	9.0 GΩ	1.1 GΩ	10 GΩ	良
6 kV	100 GΩ	90 GΩ	110 GΩ	100 GΩ	良
7 kV	10 MΩ	9.0 MΩ	11.0 MΩ	0.01 GΩ	良
7 kV	100 MΩ	90 MΩ	110 MΩ	0.1 GΩ	良
7 kV	1 GΩ	0.90 GΩ	1.10 GΩ	1 GΩ	良
7 kV	10 GΩ	9.0 GΩ	1.1 GΩ	10 GΩ	良
7 kV	100 GΩ	90 GΩ	110 GΩ	100 GΩ	良
8 kV	10 MΩ	9.0 MΩ	11.0 MΩ	0.01 GΩ	良
8 kV	100 MΩ	90 MΩ	110 MΩ	0.1 GΩ	良
8 kV	1 GΩ	0.90 GΩ	1.10 GΩ	1 GΩ	良
8 kV	10 GΩ	9.0 GΩ	1.1 GΩ	10 GΩ	良
8 kV	100 GΩ	90 GΩ	110 GΩ	100 GΩ	良

校正試験成績書

試験実施日 2022 年 4 月 1 日 (金)

室温 18.2 °C 湿度 51 %

試験実施者 鈴木 研志

名称	高電圧絶縁抵抗計	形式	DI-11
製造者	ムサシ	製造番号	522876
製造年月	1996年	-	-
定格	DC 0~11kV , 10MΩ ~100GΩ		

1.絶縁抵抗続き

レンジ	標準値	基準範囲(最小値)		基準範囲(最大値)		指示値		判定(良/不良)	
9 kV	10 MΩ	9.0 MΩ	11.0 MΩ	0.01 GΩ	GΩ	良			
9 kV	100 MΩ	90 MΩ	110 MΩ	0.1 GΩ	GΩ	良			
9 kV	1 GΩ	0.90 GΩ	1.10 GΩ	1 GΩ	GΩ	良			
9 kV	10 GΩ	9.0 GΩ	1.1 GΩ	10 GΩ	GΩ	良			
9 kV	100 GΩ	90 GΩ	110 GΩ	100 GΩ	GΩ	良			
10 kV	10 MΩ	9.0 MΩ	11.0 MΩ	0.01 GΩ	GΩ	良			
10 kV	100 MΩ	90 MΩ	110 MΩ	0.1 GΩ	GΩ	良			
10 kV	1 GΩ	0.90 GΩ	1.10 GΩ	1 GΩ	GΩ	良			
10 kV	10 GΩ	9.0 GΩ	1.1 GΩ	10 GΩ	GΩ	良			
10 kV	100 GΩ	90 GΩ	110 GΩ	100 GΩ	GΩ	良			
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

確度： 指示値に対し±10%以内

2.無負荷電圧

レンジ	指示値	基準範囲(最小値)		基準範囲(最大値)		標準値	判定(良/不良)	
1 kV	1 kV	0.90 kV	1.11 kV	0.985 kV	kV	良		
2 kV	2 kV	1.90 kV	2.11 kV	1.980 kV	kV	良		
3 kV	3 kV	2.90 kV	3.11 kV	2.973 kV	kV	良		
4 kV	4 kV	3.90 kV	4.11 kV	3.972 kV	kV	良		
5 kV	5 kV	4.90 kV	5.11 kV	4.964 kV	kV	良		
6 kV	6 kV	5.90 kV	6.11 kV	5.960 kV	kV	良		
7 kV	7 kV	6.90 kV	7.11 kV	6.954 kV	kV	良		
8 kV	8 kV	7.90 kV	8.11 kV	7.947 kV	kV	良		
9 kV	9 kV	8.90 kV	9.11 kV	8.944 kV	kV	良		
10 kV	10 kV	9.90 kV	10.11 kV	9.928 kV	kV	良		
- kV	- kV	- kV	- kV	- kV	kV	-		

確度： F.S.10kVに対して±1%以内(±100V)+1dgt

校正試験成績書

試験実施日 2022 年 4 月 1 日 (金)

室温 18.2 °C 湿度 51 %

試験実施者 鈴木 研志

名称	高電圧絶縁抵抗計	形式	DI-11
製造者	ムサシ	製造番号	522876
製造年月	1996年	-	-
定格	DC 0~11kV , 10MΩ ~100GΩ		

3.動作、各機能検査

検査項目	判定(良/不良)	備考
機能点検	良	
外観	良	
電池	良	

4.校正使用機器

名称	型式	製造番号	有効期限
高圧メガ校正抵抗器	HMR-100G	13M020028	2023年3月
交直両用デジタル高電圧計	DHM-20A/M	17062888	2023年3月
-	-	-	-

つくば電気管理事務所

